

Số: 178/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng các Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số **287/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2026** về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Huỳnh K**, sinh ngày 03/6/1985; CCCD số: 0750.8500.8459;

2. Chị **Nguyễn Thị Thúy B**, sinh ngày 12/8/1985; CCCD số 0641.8500.7354;

Cùng địa chỉ: **Thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh K** và chị **Nguyễn Thị Thúy B** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã C, tỉnh Gia Lai) vào ngày 21/12/2005. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn có hạnh phúc, sau đó giữa anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống dẫn đến hay tranh cãi. Mặc dù hai bên đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng đến nay không có kết quả. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên anh chị đã sống ly và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. **N** thấy cả hai hiện không còn tình cảm yêu thương giành cho nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó anh, chị thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

[2] Về con chung: Anh **Huỳnh K** và chị **Nguyễn Thị Thúy B** có 02 con chung là **Huỳnh Thị Thùy T**, sinh ngày 12/9/2006 và **Huỳnh Thị Thúy N1**, sinh

ngày 25/7/2007. Hiện các con chung đều đã thành niên và tự lập được nên anh, chị không yêu cầu Tòa án công nhận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B không yêu cầu Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001782 ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B có 02 con chung là Huỳnh Thị Thùy T, sinh ngày 12/9/2006 và Huỳnh Thị Thúy N1, sinh ngày 25/7/2007. Hiện các con chung đều đã thành niên và tự lập được nên anh, chị không yêu cầu Tòa án công nhận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001782 ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Anh Huỳnh K và chị Nguyễn Thị Thúy B đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11;

THẨM PHÁN

- Phòng THADS khu vực 11;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Chư Pưh;
- Lưu TA, hồ sơ việc dân sự.

Đặng Ngọc Trung